

Bản án số: 40/2023/HNGĐ-ST

Ngày 11/7/2023

“V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BẮC GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Diêm Đăng Hoạt

2. Bà Giáp Thị Hiền

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thị Vân - Thư ký Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:** Bà Dương Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 11/7/2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2023/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2023/QĐST- HNGĐ ngày 05/6/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 103/2023/QĐST-HNGĐ ngày 22/6/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thu Th, sinh năm 1988; nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố C, thị trấn N, huyện T, tỉnh Bắc Giang; chỗ ở hiện nay: TDP C1, thị trấn N, huyện T, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Đỗ Xuân H, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn N, huyện T, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Theo đơn xin ly hôn và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thu Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Đỗ Xuân H ngày 25/12/2009, trước khi cưới vợ chồng được tự do tìm hiểu thoả thuận và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã N, huyện Tân Yên (nay là UBND thị trấn N). Sau khi kết hôn, chị về chung sống với anh H ngay. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, đến tháng 9/2022 thì xảy ra mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H không tu chí làm ăn và chăm lo cho gia đình. Tháng 09/2022 chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Từ đó chị và anh H không còn quan tâm gì đến nhau, vợ chồng chấm dứt quan hệ từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, chị đề nghị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Đỗ Yến Nh, sinh ngày 20/8/2011, Đỗ Khánh Ng, sinh ngày 18/10/2016 và Đỗ Khánh D, sinh ngày

16/01/2020, các cháu đang ở cùng chị, khỏe mạnh và phát triển bình thường. Vợ chồng ly hôn, chị đề nghị được nuôi cháu Khánh Ng và Khánh D, để anh H nuôi cháu Yến Nh.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Th giữ nguyên yêu cầu trên.

+ Quá trình tiến hành tố tụng bị đơn anh Đỗ Xuân H trình bày: Anh xác nhận nội dung chị Th trình bày về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn và quá trình chung sống là đúng. Quá trình chung sống, vợ chồng anh có phát sinh mâu thuẫn nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ trong gia đình; từ tháng 9/2022 chị Th tự ý bỏ về gia đình bố mẹ đẻ ở, anh và gia đình có đến gọi về để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị Th không đồng ý về. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 9/2022 cho đến nay. Nay chị Th làm đơn xin ly hôn, anh có nguyện vọng để vợ chồng đoàn tụ và không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Đỗ Yến Nh, sinh ngày 20/8/2011, Đỗ Khánh Ng, sinh ngày 18/10/2016 và Đỗ Khánh D, sinh ngày 16/01/2020; con chung đang ở với chị Th. Nếu vợ chồng ly hôn, anh nhất trí với ý kiến, nguyện vọng của các con về việc chúng muốn ở với bố hoặc với mẹ.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, anh H vắng mặt không có lý do.

+ Tại biên bản ghi lời khai ngày 06/04/2023, cháu Đỗ Yến Nh có nguyện vọng được ở cùng bố nếu bố mẹ ly hôn.

+ Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vẫn vắng mặt.

- Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; các điều 28, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử: Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thu Th và anh Đỗ Xuân H. Về con chung: Giao chị Phạm Thu Th trực tiếp nuôi con chung là Đỗ Khánh Ng, sinh ngày 18/10/2016 và Đỗ Khánh D, sinh ngày 16/01/2020; anh Đỗ Xuân H trực tiếp nuôi con chung là Đỗ Yến Nh, sinh ngày 20/8/2011. Ngoài ra, còn đề nghị xử lý về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về áp dụng luật tố tụng: Anh Đỗ Xuân H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt; căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của

Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh H là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với nhau ngay, thời gian đầu vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo chị Th khai là do anh H không tu chí làm ăn và chăm lo cho gia đình. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2022 đến nay. Nay, chị Th xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị được ly hôn; anh H và gia đình có đến, đề nghị chị về đoàn tụ nhưng chị không đồng ý. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tổ chức hòa giải nhưng anh H không tham gia, bản thân anh cũng không có tác động gì thêm để vợ chồng về đoàn tụ. Điều này chứng tỏ hôn nhân giữa chị Th và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; do vậy, cần xử cho chị Th được ly hôn với anh H là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Đỗ Yến Nh, sinh ngày 20/8/2011, Đỗ Khánh Ng, sinh ngày 18/10/2016 và Đỗ Khánh D, sinh ngày 16/01/2020, các cháu đang ở cùng chị Th, khỏe mạnh và phát triển bình thường. Vợ chồng ly hôn, chị T đề nghị được nuôi cháu Khánh Ng và Khánh D, để anh H nuôi cháu Yến Nh. Chị Th và anh H làm nghề tự do, có chỗ ở và thu nhập. Như vậy, xác định chị Th và anh H đều có đủ điều kiện nuôi con. Cháu D và cháu N còn nhỏ cần sự quan tâm chăm sóc của mẹ, cháu Nh có nguyện vọng được ở với bố. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cũng như phù hợp với nguyện vọng của con chung, cần giao cháu D và cháu Ng cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nh cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng; sau khi vợ chồng ly hôn chị Th, anh H được quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở là phù hợp với các điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Th, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Th, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; các điều 28, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thu Th và anh Đỗ Xuân H.

2. Về con chung: Giao chị Phạm Thu Th trực tiếp nuôi 02 con chung là Đỗ Khánh Ng, sinh ngày 18/10/2016 và Đỗ Khánh D, sinh ngày 16/01/2020; anh Đỗ Xuân H trực tiếp nuôi con chung là Đỗ Yến Nh, sinh ngày 20/8/2011.

Sau khi ly hôn, chị Phạm Thu Th và anh Đỗ Xuân H được quyền thăm nom

con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Chị Phạm Thu Th phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0012078 ngày 21/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bắc Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND thị trấn N, huyện T;
- Lưu HS, Vp.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Văn Toàn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Toàn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Toàn

